TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2025
"*Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hồ Văn Dũng.

2- Bà Trần Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị Cẩm T1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là thôn A, xã Đ, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Vũ Thị Cẩm T1 tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/5/2019. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên nhiều lần xảy ra cãi vã, từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn xảy ra trầm trọng vào năm 2023 nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, phần ai nấy sống nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị Cẩm T1.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị Cẩm T1 có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Vũ Đăng K, sinh ngày 13/8/2020, hiện nay con đang do chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh đề nghị giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2025 bị đơn chị Vũ Thị Cẩm T1 trình bày:

Năm 2019 chị và anh Nguyễn Văn T sau thời gian quen biết tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào năm 2019. Thời gian đầu chung sống hòa thuận nhưng sau này quan điểm sống của hai người khác nhau nên hay xảy ra mâu thuẫn, cải vả, không còn tin tưởng lẫn nhau. Hiện tại tình cảm hai vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nữa, nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Vũ Đăng K, sinh ngày 13/8/2020, hiện nay con đang do chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/6/2025 các tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T (photocoppy chứng thực); 01 giấy khai sinh mang tên Nguyễn Vũ Đăng K (bản sao); 01 trích lục kết hôn số 151/TLKH-BS ngày 25 tháng 11 năm 2024 của UBND thị trấn Đ (bản sao); 01 xác nhận thông tin về cư trú; 01 bản tự khai mang tên Nguyễn Văn T ngày 10/3/2025.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: 01 Căn cước công dân mang tên Vũ Thị Cẩm T1 (photocoppy). 01 bản tự khai mang tên Vũ Thị Cẩm T1 ngày 10/6/2025;

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, xác minh: 01 Biên bản xác minh ngày 12/6/2025.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Cẩm T1.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Vũ Đăng K, sinh ngày 13/8/2020 cho chị Vũ Thị Cẩm T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng là 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con chung với chị Vũ Thị Cẩm T1 hiện đang cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là thôn A, xã Đ, tỉnh Gia Lai). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của của Toà án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

Anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa vì bận công việc, bị đơn chị Vũ Thị Cẩm T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Vũ Thị Cẩm T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị Cẩm T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh T và chị T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên nhiều lần xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Vũ Thị Cẩm T1 và chị T1 đồng ý ly hôn. Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 tại địa phương nơi anh chị sinh sống, kết quả thể hiện giữa anh T và chị T1 có tồn tại mâu thuẫn. Anh chị đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn. Hiện tại anh T và chị T1 đã sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để các bên đương sự hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ nhưng chị T1 đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã phân tích hậu quả của việc ly hôn, động viên anh T hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh T vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T với chị Vũ Thị Cẩm T1.

[3] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T với chị Vũ Thị Cẩm T1 có một con chung là Nguyễn Vũ Đăng K, sinh ngày 13/8/2020. Chị T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu K đang được chị

T1 trực tiếp nuôi dưỡng, cháu K còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và anh T cũng đồng ý giao cháu K cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần giao cháu Nguyễn Vũ Đăng K cho chị Vũ Thị Cẩm T1 được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Do vậy, chị Vũ Thị Cẩm T1 yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Chị Vũ Thị Cẩm T1 yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng và anh T cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T1. Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị T1 là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T với chị Vũ Thị Cẩm T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Vũ Thị Cẩm T1.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị Cẩm T1 trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Vũ Đăng K, sinh ngày 13/8/2020 đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2025.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Vũ Đăng K định kỳ hàng tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự

hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 23/9/2025.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003187 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 13-Gia Lai). Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- UBND xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Đức